

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ TMDV THÁI VŨ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ TMDV THÁI VŨ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THAI VU TMDV AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109510591

**3. Ngày thành lập:** 26/01/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số Nhà 212 Ngõ 2 Tổ 2 Đa Sỹ, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0383.599.331

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá                                                                                            | 3530     |
| 2.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                          | 4101     |
| 3.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                    | 4102     |
| 4.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                              | 4211     |
| 5.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                               | 4212     |
| 6.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                        | 4222     |
| 7.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                         | 4223     |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                          | 4229     |
| 9.  | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                   | 4291     |
| 10. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                            | 4292     |
| 11. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                   | 4221     |
| 12. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                      | 4293     |
| 13. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                 | 4299     |
| 14. | Phá dỡ                                                                                                                                                                     | 4311     |
| 15. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(không bao gồm rà, phá bom mìn)                                                                                                                       | 4312     |
| 16. | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy;<br>- Hoạt động lắp đặt hệ thống điện cho công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng. | 4321     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4322 |
| 18. | <p>Lắp đặt hệ thống xây dựng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này.</li> <li>- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thang máy, thang cuốn,</li> <li>+ Cửa cuốn, cửa tự động,</li> <li>+ Dây dẫn chống sét,</li> <li>+ Hệ thống hút bụi,</li> <li>+ Hệ thống âm thanh,</li> <li>+ Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung</li> </ul> </li> <li>- Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy</li> </ul> | 4329 |
| 19. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4330 |
| 20. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4390 |
| 21. | <p>Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại lý bán hàng hóa</li> <li>- Môi giới mua bán hàng hóa</li> </ul> <p>(Trừ môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4610 |
| 22. | <p>Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn đồ bảo hộ lao động</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4641 |
| 23. | <p>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn thiết bị, vật tư ngành lạnh;</li> <li>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;</li> <li>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;</li> <li>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;</li> <li>- Bán buôn ống nước, vòi nước;</li> <li>- Bán buôn thiết bị, vật tư ngành điện nước;</li> <li>- Bán buôn đồ bảo hộ lao động.</li> </ul> <p>(Trừ Bán buôn thuốc và dụng cụ y tế)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4649 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 24. | <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi).</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị, vật tư ngành lạnh;</li> <li>- Bán buôn máy năng lượng mặt trời;</li> <li>- Bán buôn máy lọc nước, thiết bị và phụ tùng máy lọc nước;</li> <li>- Bán buôn máy bơm nước, thiết bị và phụ tùng máy bơm nước;</li> <li>- Bán buôn thiết bị, vật tư ngành điện nước;</li> <li>- Bán buôn đồ bảo hộ lao động;</li> <li>- Cơ sở kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy;</li> </ul> <p>(Trừ Bán buôn máy móc, thiết bị y tế)</p> | 4659(Chính) |
| 25. | <p>Bán buôn tổng hợp</p> <p>(Trừ loại Nhà nước cấm)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4690        |
| 26. | <p>Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4751        |
| 27. | <p>Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4753        |
| 28. | <p>Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán lẻ thiết bị, vật tư ngành lạnh;</li> <li>- Bán lẻ hàng gốm, sứ, thủy tinh;</li> <li>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;</li> <li>- Bán lẻ giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;</li> <li>- Bán lẻ ống nước, vòi nước;</li> <li>- Bán lẻ thiết bị, vật tư máy lọc nước;</li> <li>- Bán lẻ thiết bị, vật tư ngành điện nước;</li> <li>- Cơ sở kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4759        |
| 29. | <p>Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán lẻ đồ bảo hộ lao động</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4771        |
| 30. | <p>Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4782        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 31. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ;<br>- Bán lẻ máy lọc nước, thiết bị và phụ tùng máy lọc nước;<br>- Bán lẻ máy bơm nước, thiết bị và phụ tùng máy bơm nước.<br>- Bán lẻ thiết bị, vật tư ngành lạnh.<br>- Bán lẻ thiết bị, vật tư ngành điện, nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4784 |
| 32. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7020 |
| 33. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Giám sát thi công các công trình xây dựng;<br>- Thiết kế quy hoạch xây dựng;<br>- Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế cơ - điện công trình; Thiết kế cấp thoát nước công trình;<br>- Việc cung cấp các dịch vụ kiến trúc, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ phác thảo, dịch vụ kiểm định xây dựng như:<br>+ Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan;<br>+ Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông;<br>+ Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình;<br>+ Thiết kế an toàn phòng chống cháy nổ công trình.<br>(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | 7110 |
| 34. | Quảng cáo<br>(không bao gồm quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7310 |
| 35. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7410 |
| 36. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn chuyển giao công nghệ phòng cháy và chữa cháy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7490 |
| 37. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7730 |

|     |                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 38. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299 |
| 39. | Giáo dục khác chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy                        | 8559 |
| 40. | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                                                                               | 9524 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 500.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN THỊ HẢI YẾN | Thôn Mai Trang, Xã An Quý, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông         | 100.000    | 1.000.000.000         | 20,000    | 034191009332                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số                   | 100.000    | 1.000.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |

|   |             |                                                                                  |                                    |         |               |        |                  |  |
|---|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|--------|------------------|--|
| 2 | VŨ HỮU THÁI | Thôn Mai Trang,<br>Xã An Quý,<br>Huyện Quỳnh<br>Phụ, Tỉnh Thái<br>Bình, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 300.000 | 3.000.000.000 | 60,000 | 0340890092<br>58 |  |
|   |             |                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |             |                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |             |                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |             |                                                                                  | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |             |                                                                                  | Tổng số                            | 300.000 | 3.000.000.000 | 60,000 |                  |  |
| 3 | VŨ HỮU THỜI | Thôn Mai Trang,<br>Xã An Quý,<br>Huyện Quỳnh<br>Phụ, Tỉnh Thái<br>Bình, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 100.000 | 1.000.000.000 | 20,000 | 0340920100<br>82 |  |
|   |             |                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |             |                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |             |                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |             |                                                                                  | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |             |                                                                                  | Tổng số                            | 100.000 | 1.000.000.000 | 20,000 |                  |  |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **VŨ HỮU THÁI**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *19/09/1989*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *034089009258*

Ngày cấp: *01/02/2019*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Mai Trang, Xã An Quí, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *HH03a Khu đô thị Thanh Hà, Xã Cự Khê, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội